

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP HTC Holding

Ngày 30/06/2025	4,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	4.7%	-2.2%

DT thuần Q2/25
10.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.67 2246%
YoY: ▼28.9 -74.1%

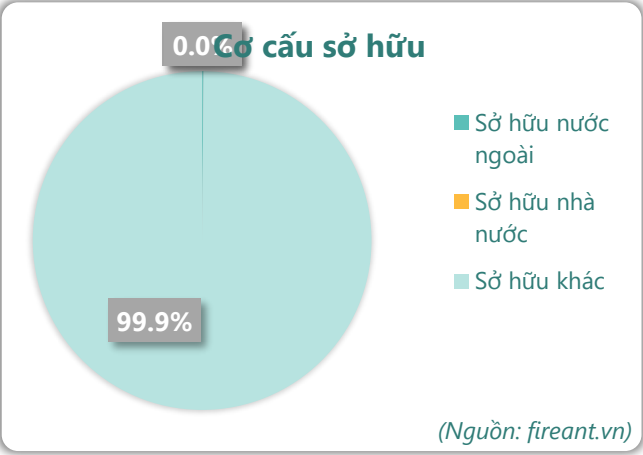
LN thuần Q2/25
-0.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.13 62.7%
YoY: ▼0.14 -206%

LN sau thuế Q2/25
-0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.12 62.4%
YoY: ▲ 0.03 31.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-0.7%
YoY: +/-▲ 45.0%

ROE (TTM) Q2/25
0.0%
YoY: +/-▲ 0.1%

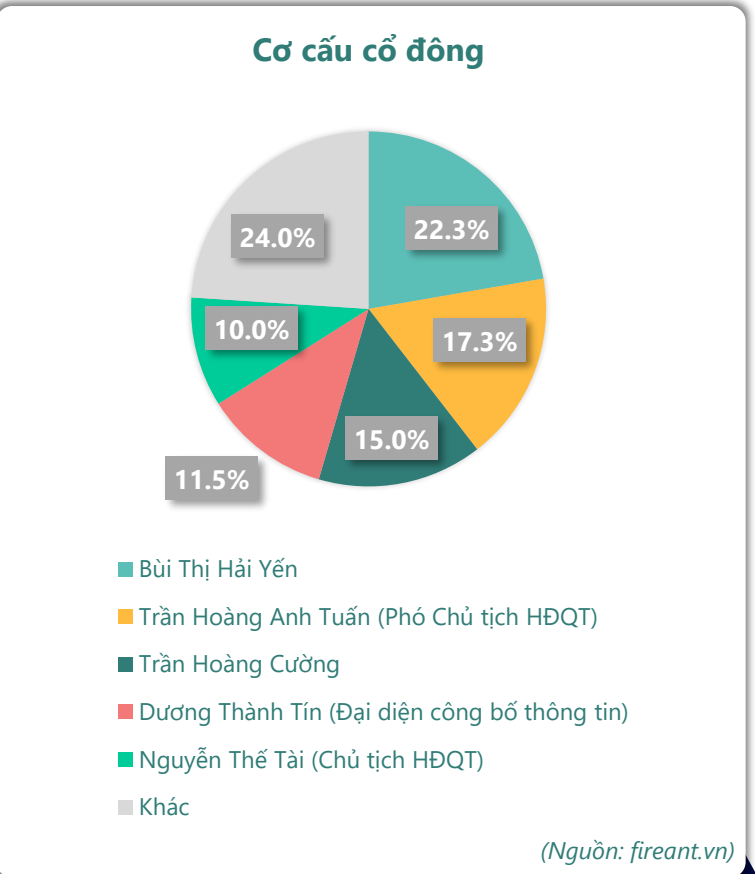
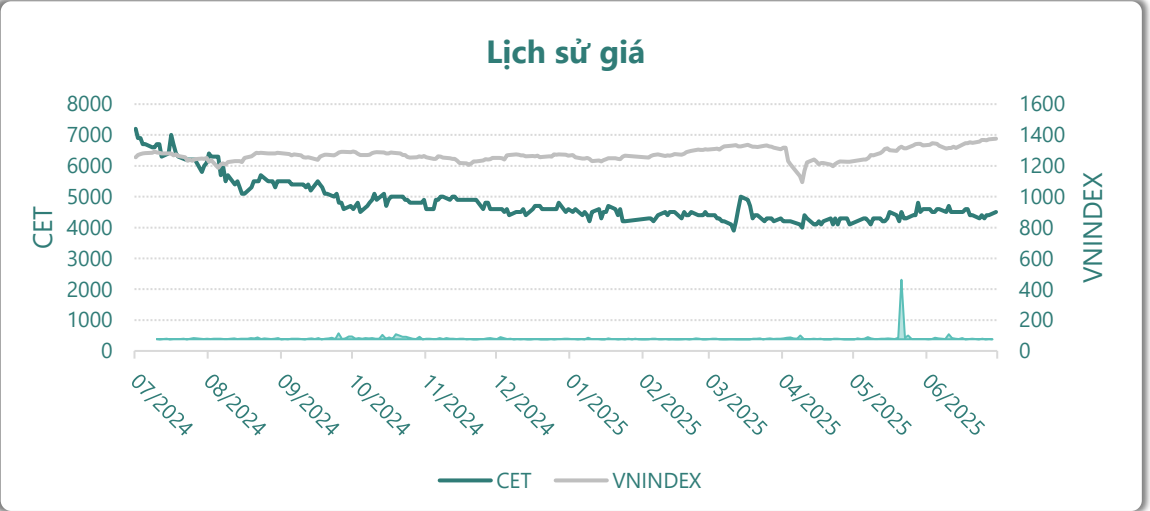
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 7,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27
Số lượng CPLH (CP)	6,050,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,455
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.44
EPS	-5
P/E	-835.4



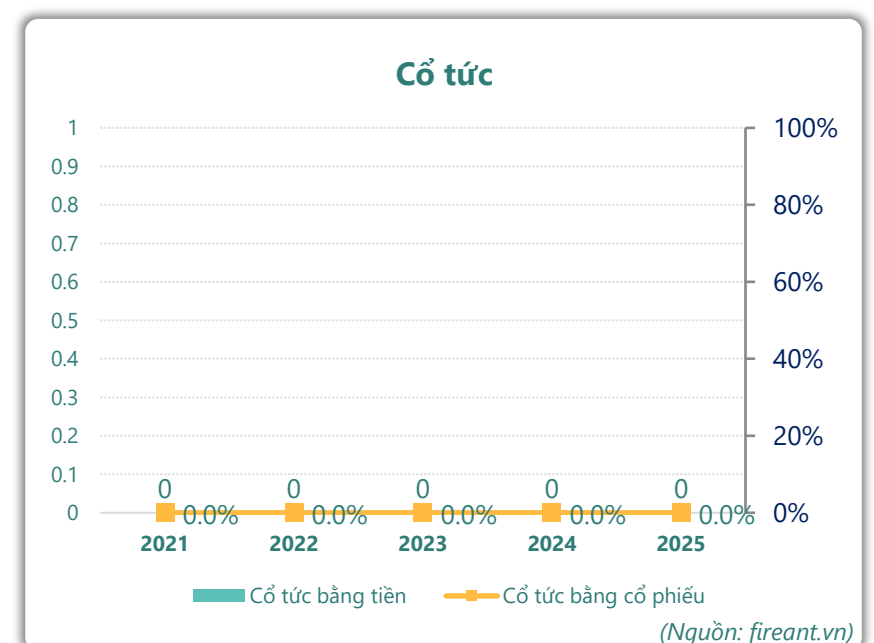
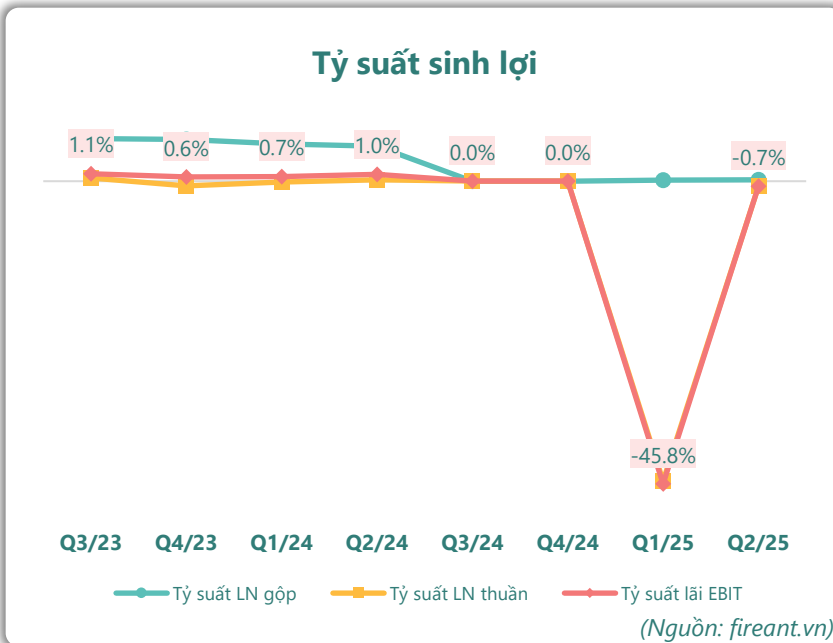
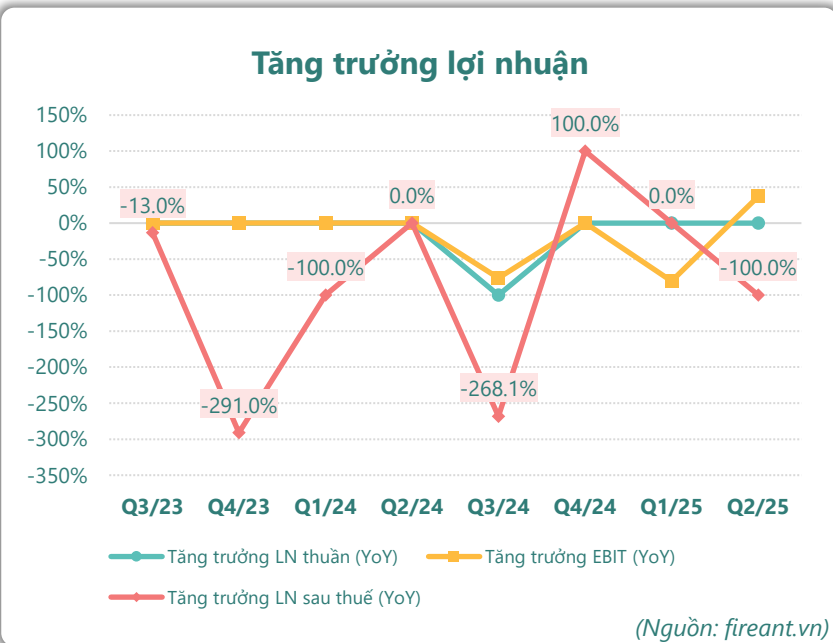
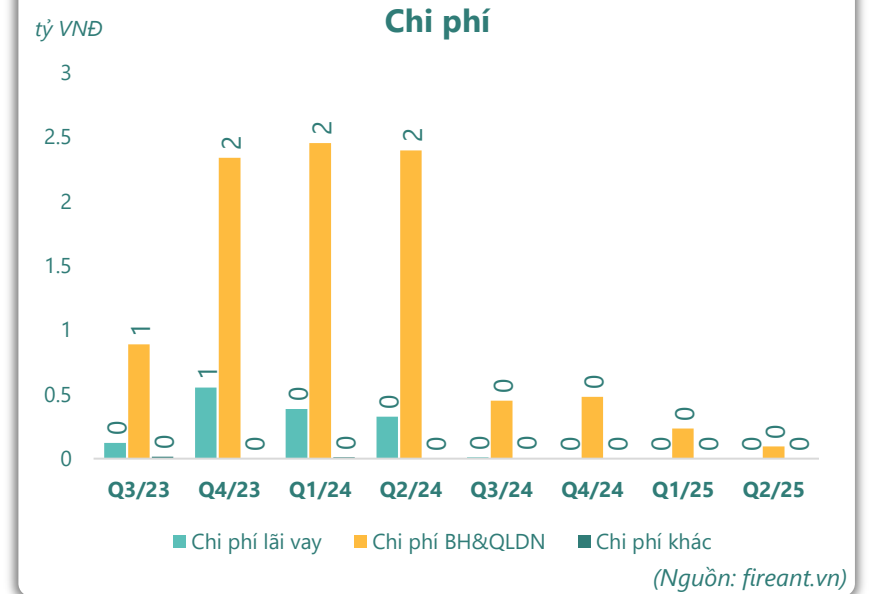
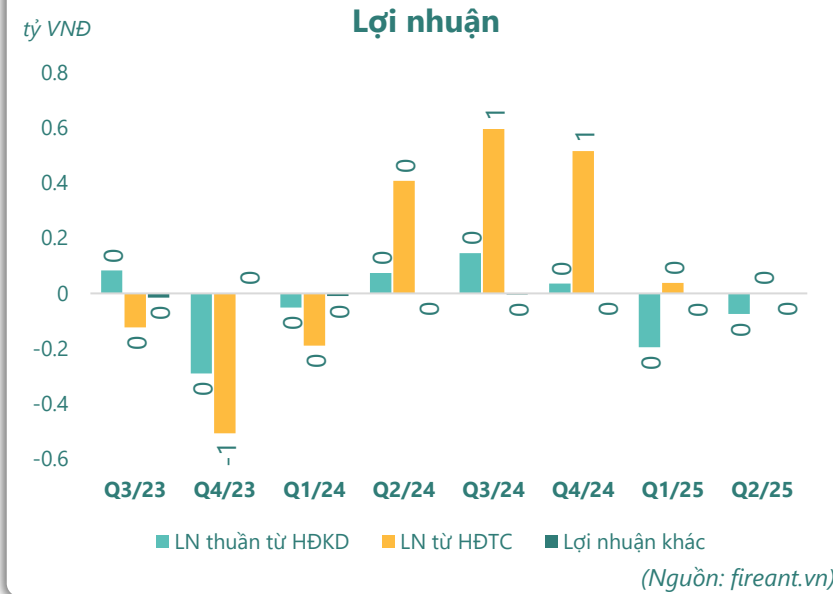
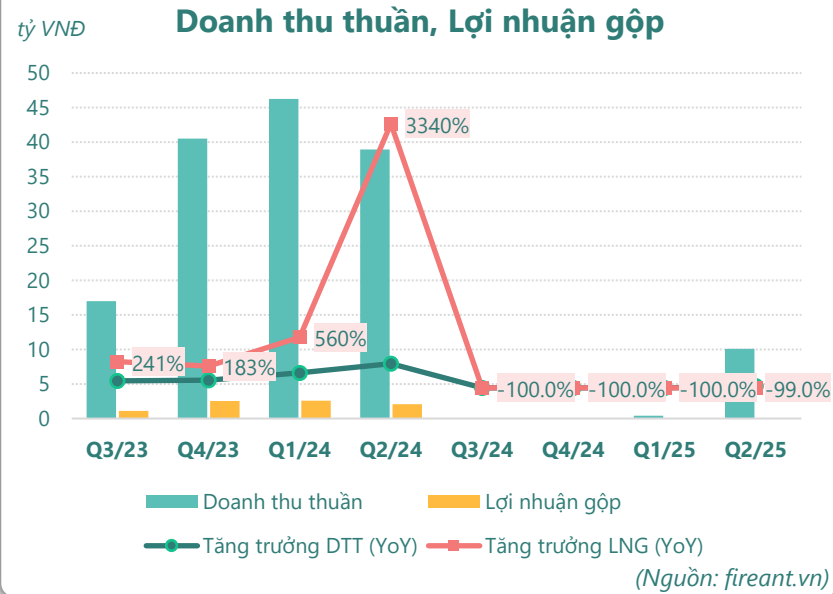
DT thuần 6T 2025
10.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼74.7 -87.7%

LN thuần 6T 2025
-0.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.29 -1290%

LN sau thuế 6T 2025
-0.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.10 -57.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

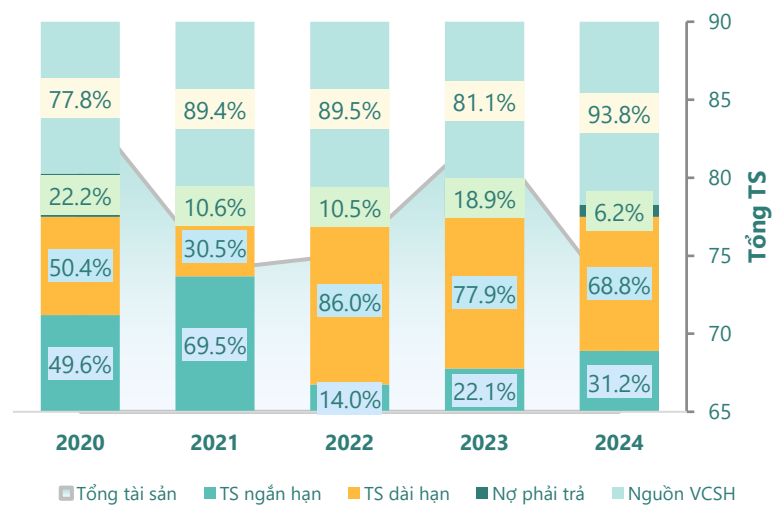




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

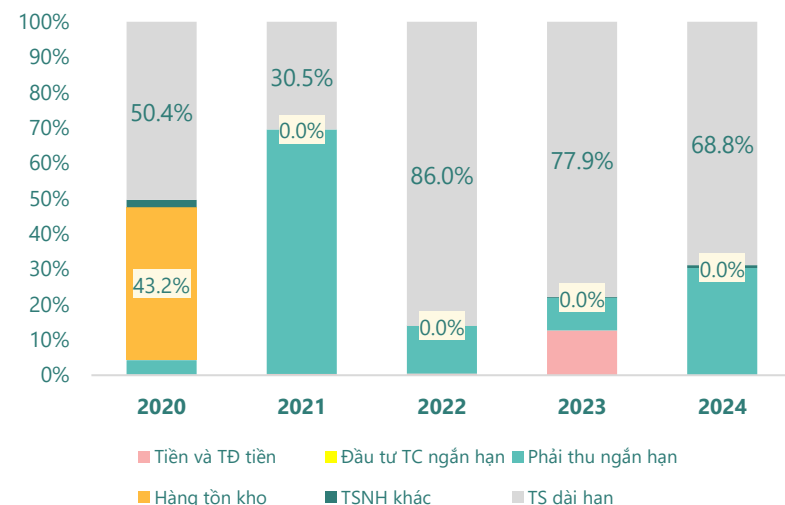
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

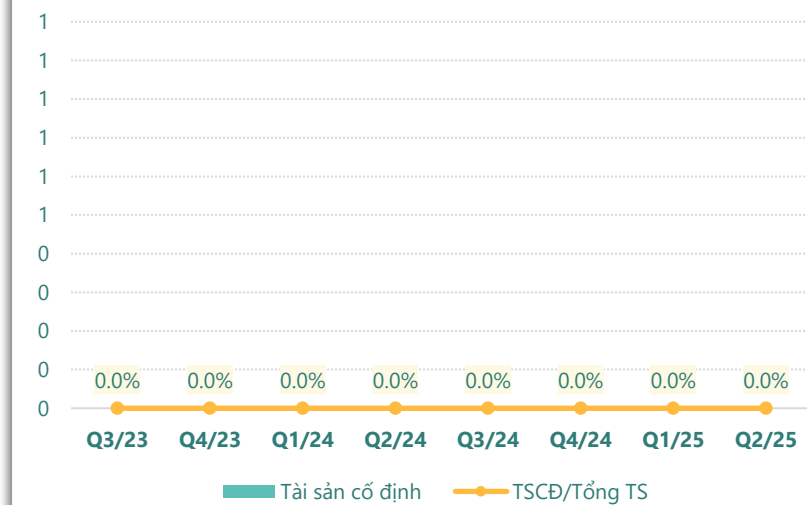
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

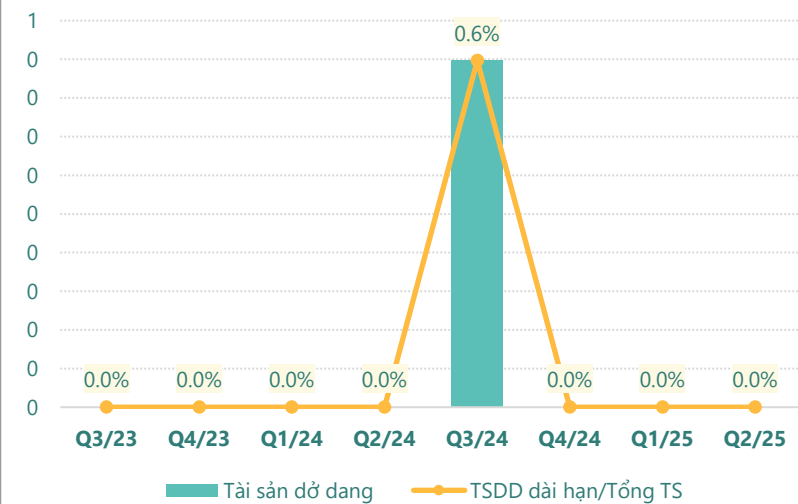
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

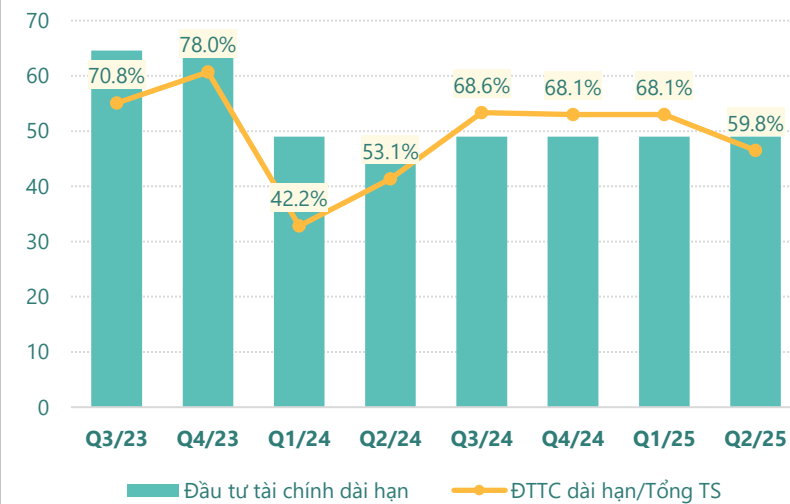
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

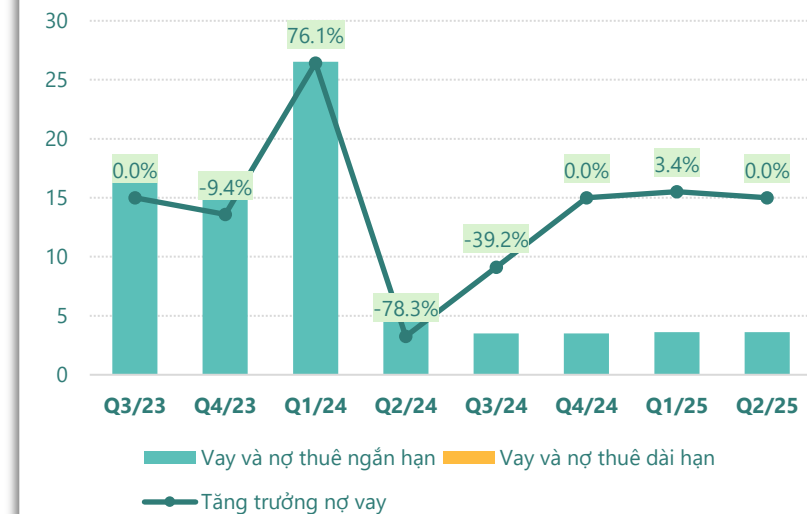
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

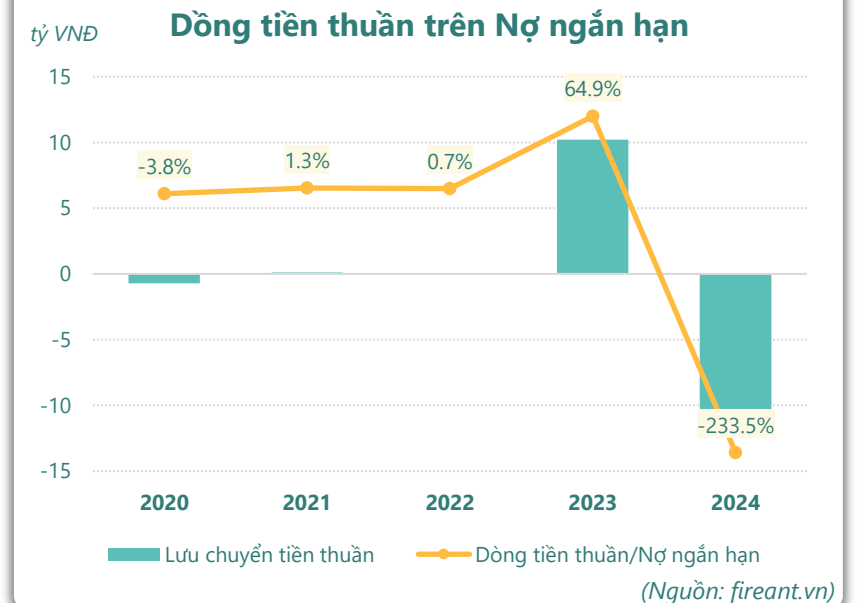
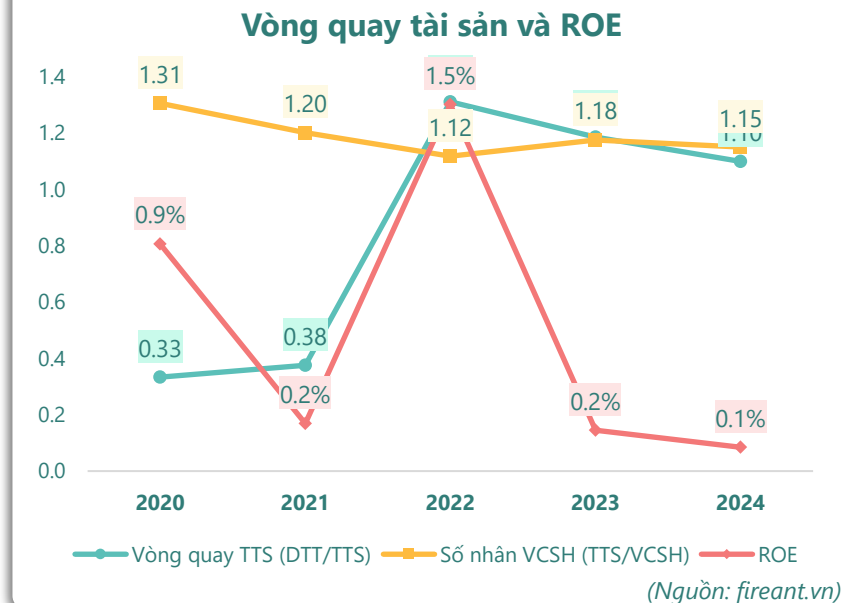
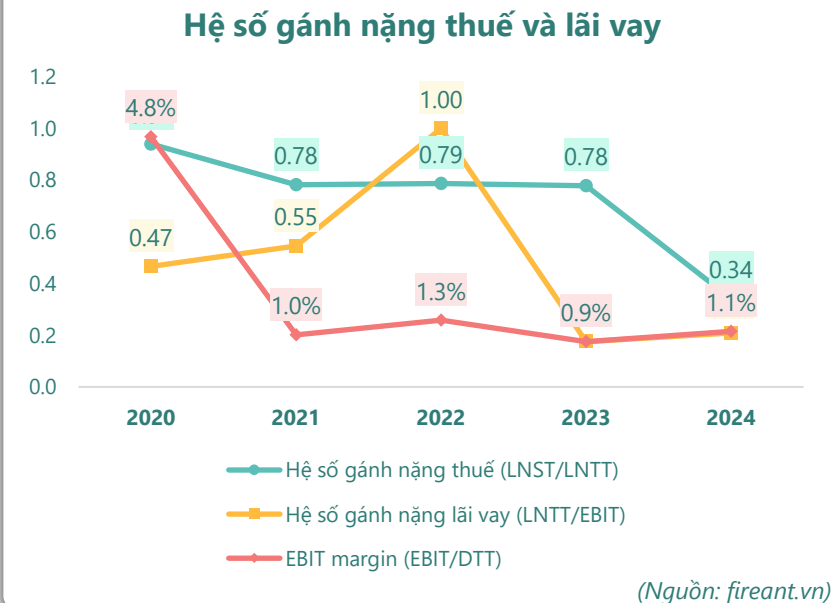
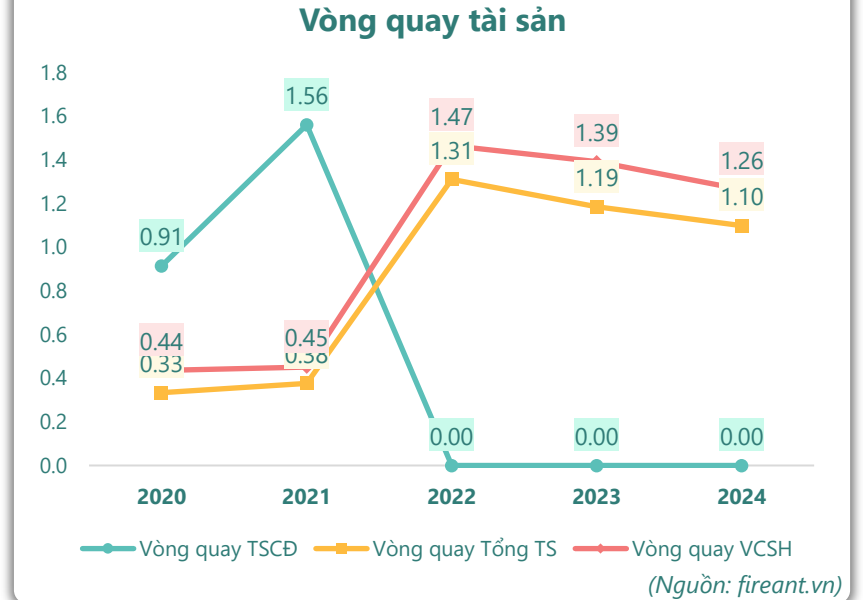
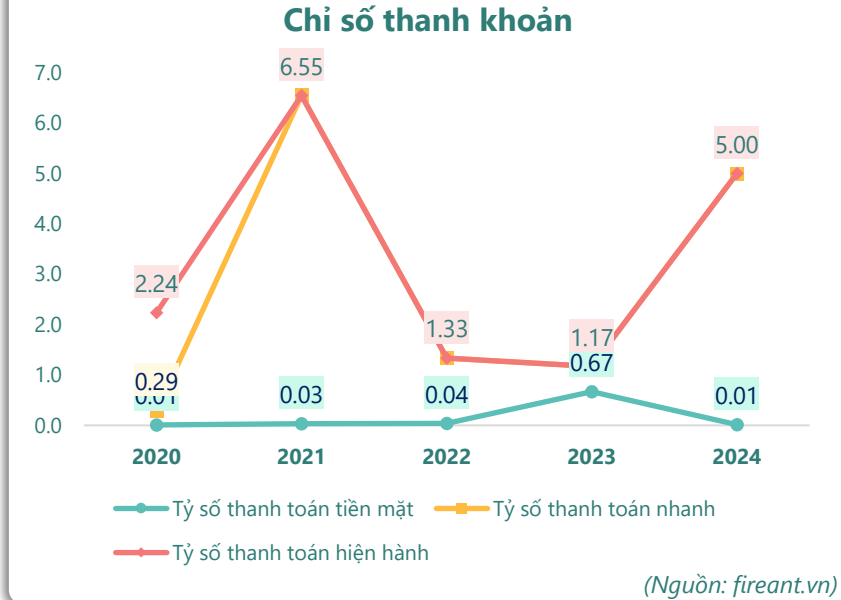
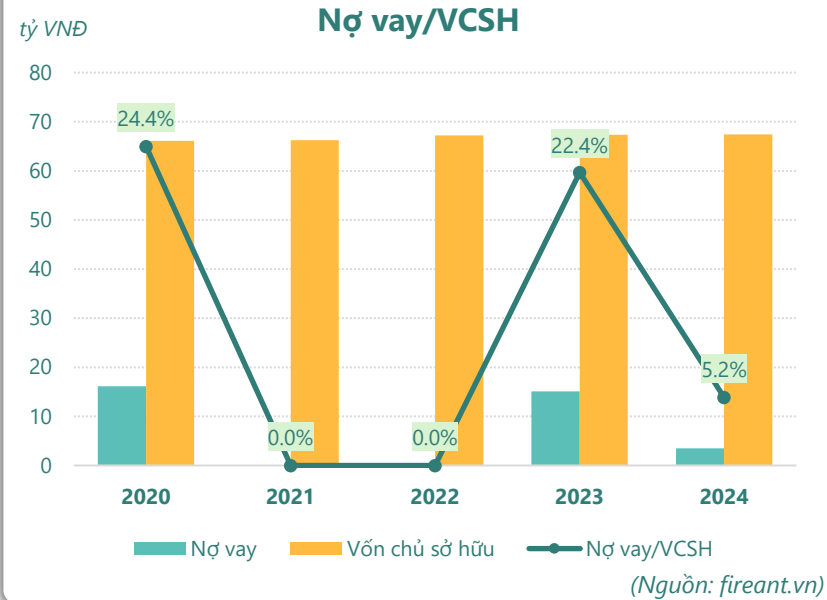
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	10.1	39.0	-74.1%	10.5	85.2	-87.7%
Giá vốn hàng bán	10.1	36.9	-72.7%	10.5	80.6	-87.0%
Lợi nhuận gộp	0.02	2.06	-99.0%	0.02	4.66	-99.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.73	-100.0%	0.04	1.04	-96.3%
Chi phí TC	0	0.33	-100%	0	0.82	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.33	-100%	0	0.71	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.00	1.69	-100.0%	0.00	3.60	-100.0%
Chi phí QLDN	0.09	0.71	-86.7%	0.33	1.26	-73.8%
LN thuần từ HĐKD	-0.07	0.07	-206%	-0.27	0.02	-1290%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	-0.01	75.1%
LN trước thuế	-0.08	0.07	-207%	-0.27	0.01	-2259%
Lợi nhuận sau thuế	-0.08	-0.11	31.7%	-0.27	-0.17	-57.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.08	-0.11	31.7%	-0.27	-0.17	-57.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.6	38.0	-18.4	-0.53	0.96	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.6	0.01	-18.4	0.45	18.0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.5	-20.8	-2.25	0	0.12	0
Tiền đầu kỳ	10.5	22.0	39.2	0.15	0.06	19.1
Lưu chuyển tiền thuần	11.5	17.2	-39.0	-0.08	19.1	0.00
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.0	39.2	0.15	0.06	19.1	19.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	82.0	71.9	14.0%
Tài sản ngắn hạn	33.0	22.4	47.3%
Tiền và tương đương tiền	19.1	0.06	30898%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	12.8	21.8	-41.2%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.05	0.57	85.1%
Tài sản dài hạn	49.0	49.5	-1.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0.50	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.8	4.48	231%
Nợ ngắn hạn	14.8	4.48	231%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.62	3.50	3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.4	0.10	10242%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	67.1	67.4	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	67.1	67.4	-0.4%
Vốn điều lệ	60.5	60.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

